

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 111/2026/HS-ST

Ngày: 28-5-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Loan.

2. Bà Lê Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 04-12-1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số A; hộ khẩu thường trú: Số A Phạm Thị Giây, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1940 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1947, nơi cư trú: Nhà Vi Bằng (34/3), ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; vợ Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1981; có 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; nơi cư trú: Nhà Vi Bằng (34/3), ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17-01-2026 cho đến nay.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam Ngã Giao thuộc Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Căn cước công dân số B; nơi cư trú: Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Nhà Vi Bằng (34/3), ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12-9-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 83/QĐ-CAH-CQĐT về việc khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 06-9-2018 tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh);

Ngày 12-9-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) ban hành Thông báo số 84/TB-CAH-CQĐT về việc truy tìm xe máy tang vật;

Ngày 12-9-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) ban hành Thông báo số 83/TB-CAH-ĐTHS về việc truy tìm đối tượng gây án;

Ngày 13-5-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 18/QĐ-CAH-CQĐT vì sau khi tiến hành điều tra thấy đã hết thời hạn, nhưng chưa xác định được đối tượng gây án;

Ngày 16-01-2026, Nguyễn Văn Ch bị Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17-01-2026, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số H813/QĐ-CSHS;

Ngày 17-01-2026, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định khởi tố bị can số H190/QĐ-CSHS đối với Nguyễn Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản”.

Từ năm 2012, bị cáo Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L có quan hệ tình cảm với nhau. Quá trình quen biết, từ năm 2016 đến năm 2018, bị cáo Ch đã

nhiều lần chở bà L đi giao dịch mua bán đất đai và làm nhà yến trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Đến sáng ngày 06-9-2018, Ch điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số A chở bà L đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Sông Ray để rút số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, Ch chở bà L đi trả tiền vật liệu làm nhà yến hết 90.000.000 đồng, số tiền còn lại (110.000.000 đồng) bà L bỏ vào cốp xe mô tô, rồi Ch chở bà L về lại nhà bà L tại thôn A, xã B, huyện C (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Lợi dụng lúc bà L đi vào trong nhà, Ch đã lấy chiếc xe mô tô biển số 72F1-481.06 (bên trong cốp xe có 110.000.000 đồng) rồi bỏ trốn.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe, bà L đã gọi điện cho Ch nói về giải quyết công việc nhưng Ch không về. Ngày 09-9-2018, Ch gọi điện thoại lại cho bà L thừa nhận đã lấy trộm tài sản và hẹn đến nhà của Ch ở Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để Ch trả lại xe và tiền nhưng bà L không đến. Khoảng vài ngày sau, bà L đến nhưng lúc này Ch đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 143A/HĐĐG ngày 20-9-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức (cũ) kết luận trị giá xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số A là 15.513.600 đồng (Mười lăm triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng).

Bản cáo trạng số 117/CT-VKS-KV14 ngày 14-4-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ch về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 17-01-2026).

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), Ch đã tiêu xài hết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc xe mô tô, hiệu Honda Blade, biển số A. Quá trình điều tra, xác minh xe trên là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L nên ngày 30-3-2026, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại cho bà L theo Quyết định xử lý vật chứng số H4552/QĐ-CSHS ngày 30-3-2026.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thủy T là vợ của bị cáo Ch đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo số tiền 110.000.000 đồng, bà L đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu khác.

Bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu bị cáo Ch phải trả lại số tiền trên cho bà Tiên.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Ch xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có cơ sở để xác định:

Vào sáng ngày 06-9-2018, tại nhà bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn Ch đã có hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị L gồm 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số A và số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) bên trong cốp xe.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số A trị giá là 15.513.600 đồng (Mười lăm triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng) nên tổng giá trị tài sản Ch đã chiếm đoạt của bà L là 125.513.600 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo Ch đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Bị cáo Ch là một công dân đã trưởng thành, tuổi đời còn trẻ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy, cần phải trừng trị bị cáo thật nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội; có ý thức tuân theo pháp luật; ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động, đề nghị vợ của bị cáo bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Văn Ch 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 17-01-2026);

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136, của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Ch phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28-5-2026).
Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng CSĐT TP về TTXH Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC10, PV06 (CA TP. Chí Minh);
- Phân trại Tạm giam Ngã Giao;
- VKSND khu vực 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THA Dân sự KV 14 - TP.HCM;
- Người TGTT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga